

Bản án số: 479/2021/HS-PT
Ngày 09 tháng 12 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn An

Bà Mai Thị Tú Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Phước Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 404/2021/TLPT-HS ngày 29 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo Điều S; Do có kháng cáo của bị cáo Điều S đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2021/HS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 506/2021/QĐPT-HS ngày 15 tháng 9 năm 2021.

- Bị cáo có kháng cáo: Điều S, sinh năm 1999 tại tỉnh Bình Phước; Nơi cư trú: Ấp BX, xã TT, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: S'Tiêng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Con ông Điều Đ, sinh năm 1973 và bà Thị H, sinh năm 1976; anh em ruột 03 người (bị cáo là con thứ hai trong gia đình); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Hồ Phương B - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Thành Vinh – Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước, (có mặt).

Địa chỉ: Quốc lộ 14, phường TB, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước.

- Bị hại: Thị H1, sinh năm 2003 (đã chết).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Điều M, sinh năm 1976; bà Thị Út, sinh năm 1986 (là cha mẹ ruột của bị hại);

Cư trú tại: Ấp TT, xã PA, huyện HQ, tỉnh Bình Phước.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Đàm Mạnh L, sinh năm 1986; Cư trú tại: Tổ 5, khu phố 3, phường TĐ, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước.

2/ Ông Trần Phước V, sinh năm 1996 (chủ cửa hàng mua bán xe máy Vĩnh Liệu II); Địa chỉ: Khu phố TĐ 1, phường TT, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước.

3/ Ông Điều Đ, sinh năm 1973; Trú tại: Ấp BX, xã TT, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước (bố bị cáo).

4/ Bà Thị H, sinh năm 1976; Trú tại: Ấp BX, xã TT, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước.

(Người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo; không bị kháng cáo kháng nghị nên Tòa không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Điều S và chị Thị H1, sinh năm 2003, cư trú tại ấp TT, xã PA, huyện HQ, tỉnh Bình Phước có quan hệ tình cảm với nhau từ khoảng năm 2018. Khoảng đầu tháng 01/2021, giữa S và chị H1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do chị H1 muốn chấm dứt quan hệ tình cảm với S nhưng S không đồng ý. Ngày 31/01/2021, S gọi điện cho chị H1, nên được chị H1 nói “dự kiến đến tháng 4/2021 sẽ kết hôn với anh Trần Thanh Hòa, sinh năm 1999, cư trú tại ấp 4A, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước”, nên S bực tức và nảy sinh ý định giết chị H1. Để thực hiện ý định, S hẹn gặp chị H1 vào tối ngày 01/02/2021 trước cổng Công ty INFAC VINA – Khu công nghiệp MH, thuộc xã MH, huyện CT, tỉnh Bình Phước nơi chị H1 làm việc, được chị H1 đồng ý. Khoảng 17 giờ, ngày 01/02/2021, S cầm theo 01 con dao dài khoảng 20cm, cán màu vàng và 01 chiếc găng tay bằng vải (bên trái) để vào cốp xe mô tô biển số 93P2 – 305.89 của S rồi điều khiển xe đến cổng Công ty INFAC VINA đợi chị H1. Đến khoảng 19 giờ 30, chị H1 tan ca, ra cổng gặp S và cùng S đi ăn tối tại Quán bún đậu “Chí Phèo” thuộc khu phố 1, thị trấn TK, huyện HQ, tỉnh Bình Phước. Sau khi ăn xong, chị H1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 93C1 – 300.00 đi về nhà tại ấp TT, xã PA thì S cũng điều khiển xe đi theo. Khi đến khu vực gần Trường trung học cơ sở PA thuộc ấp TT, xã PA, S nói chị H1 đi ra phía sau trường học nói chuyện, Hào đồng ý. S điều khiển xe đi trước, chị H1 đi sau đến khu vực bãi đất trống phía sau Trường trung học cơ sở PA, S dừng xe và xuống xe còn chị H1 dừng xe nhưng vẫn ngồi trên xe. S bước đến định ôm chị H1 thì chị H1 đòi về nhưng S không cho về và rút chìa khóa xe của chị H1 bỏ vào túi quần bên trái. Chị H1 dùng hai tay nắm vào vai và ngực của S và nói “không cho về thì sẽ la lên”, S đe dọa giết chị H1 thì chị H1 thách thức S. Ngay lúc này S đi đến xe của S mở cốp, mang găng tay vào tay trái rồi lấy con dao cầm ở tay

phải giấu phía sau lưng đi đến chỗ chị H1. Lúc này chị H1 vẫn ngồi trên xe thì S dùng tay trái giật sợi dây chuyền trên cổ chị H1 rồi quấn dây chuyền vào ngón giữa tay trái, liền lúc đó S dùng tay trái bịt miệng chị H1 còn tay phải cầm dao đâm 01 nhát trúng vào ngực trái chị H1. Chị H1 dùng hai tay cào vào tay của S rồi ngã ngửa ra phía sau, bên phải đuôi xe, làm xe ngã theo về phía bên phải, phần đuôi xe đè lên hai chân của chị H1 thì S dùng tay kéo xe ra khỏi chân của chị H1. S thấy điện thoại của chị H1 ở dưới đất, S nhặt điện thoại bỏ vào túi quần bên phải. S tháo dây chuyền quấn ở ngón tay, rồi tháo găng tay vứt xuống đất bên cạnh chị H1 và dùng tay trái bịt vết thương trên ngực trái của chị H1, được một lúc thấy chị H1 không phản ứng gì nên S nói “mày nằm đây tao về”. S cầm dao và dây chuyền đi lại xe của S, bỏ dây chuyền và dao vào túi quần bên trái rồi điều khiển xe đi về. Khi đến địa phận xã Quang Minh, huyện CT, S dừng xe, bỏ dây chuyền vào cốp xe rồi tiếp tục điều khiển xe đi tiếp. Khi đến Cầu Nha Bích thuộc xã Minh Lập, huyện CT thì S dừng xe đứng trên cầu vứt con dao xuống dòng sông (*cơ quan Công an đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không thu hồi được*). S tiếp tục điều khiển xe đi trên Quốc lộ 14, khi đến khu vực Ấp 6, xã TT, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước thì S vứt chìa khóa xe mô tô của chị H1 ở ven đường (*không thu hồi được*). Khi về đến nhà tại ấp BX, xã TT, thành phố ĐX thì S để xe bên hông nhà, cất giấu điện thoại của chị H1 ở mép hố ga phía sau nhà và rửa tay, rồi lên võng nằm ngủ. Đến sáng ngày 02/02/2021 người dân phát hiện chị H1 tử vong cùng chiếc xe mô tô tại hiện trường nên đã báo Công an địa phương, cùng ngày Điều S bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Phước bắt giữ. (Bút lục: 156; 171-174; 177-178; 179-182).

Quá trình điều tra cho bị cáo Điều S xác định con dao tương tự con dao gây án dài 21,7cm, lưỡi bằng kim loại dài 11,1cm, một lưỡi sắc, mũi nhọn, trên cán có chữ KIWI, để phục vụ cho công tác điều tra.

Kết luận giám định pháp y qua hồ sơ số 73 ngày 29/3/2020 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế tỉnh Bình Phước kết luận:

Con dao (vật chứng giám định, mà bị cáo xác định tương tự con dao gây án) với tư thế thực nghiệm điều tra khi Điều S cầm dao tác động vào cơ thể bị hại có thể gây ra được vết thương vùng ngực bên trái của Thị H1 (Bút lục: 130, 134-136).

Kết luận giám định pháp y về tử thi số 66/2021/GDPY ngày 04/02/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận:

- Dấu hiệu chính qua giám định: Da, cơ nhợt nhạt; vết thương dạng hình khe ở ngực trái, bờ mép sắc gọn; thủng tim, phổi; tràn máu khoang màng tim, khoang màng phổi.

- Nguyên nhân chết: Thị H1, sinh năm 2003 bị vết thương thấu ngực gây thủng tim, phổi, sốc mất máu cấp dẫn đến tử vong (Bút lục: 37-39).

Kết luận giám định pháp y về ADN số 105 ngày 04/3/2021 của Viện pháp y Quốc Gia kết luận:

- ADN thu từ quần dài bằng vải màu đen (quần của Điều S) - Mẫu 1.2; Tăm bông thu dấu vết màu nâu đỏ bám dính tại vị trí ổ khóa của xe mô tô biển số 93P2-305.89 – Mẫu 1.4; Tăm bông thu dấu vết màu nâu đỏ bám dính tại vị trí ốp bàn thờ phần nhựa màu đen gần tay cầm bên phải xe mô tô biển số 93P2-305.89 – Mẫu 1.5; Sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng – Mẫu 1.6; Tăm bông lau chất bẩn trong các kẽ móng tay của Thị H1 gửi giám định trùng khớp hoàn toàn với ADN của Thị H1.

- ADN thu từ áo thun ngắn tay cổ tròn, màu đỏ, ngực áo có chữ “chevrolet”; lưng áo có chữ “Đ. S 7” trùng khớp hoàn toàn với ADN của Điều S (Bút lục số 104-106).

Bản kết luận định giá tài sản số 777 ngày 15/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Bình Phước kết luận: Tại thời điểm ngày 01/02/2021: 01 sợi dây chuyền vàng có trị giá 4.292.000đ (bốn triệu hai trăm chín mươi hai nghìn đồng) và 01 điện thoại di động hiệu Vivo có giá trị 1.566.000đ (một triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản sau khi định giá là 5.858.000đ (năm triệu tám trăm năm mươi tám nghìn đồng) (Bút lục 141-142).

Bản kết luận giám định số 25 ngày 29/3/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước, đoạn video trích xuất từ camera tại quán bún đậu “Chí phèo” kết luận:

- Không tìm thấy dấu hiệu bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong tập tin video gửi giám định ký hiệu A1, A2.

- Đã trích xuất được 06 hình ảnh thể hiện người mặc áo thun màu xanh, quần dài màu xanh và người mặc áo màu đỏ, quần dài màu đen đi vào quán và ngồi ăn trong tập tin video ký hiệu A1, A2 (Bút lục số 112).

Bị cáo S xác định người mặc áo thun xanh là bị hại Thị H1 còn người mặc áo màu đỏ là Điều S.

Vật chứng vụ án:

- Vật chứng thu giữ tại hiện trường:
 - + Dấu vết màu nâu đỏ trên nền đất dưới cánh tay phải tử thi Thị H1;
 - + 01 (một) bao tay vải màu xám, viền xanh, dài 19cm;
 - + Dấu vết màu nâu đỏ ở tay cầm bên phải xe mô tô biển số 93C1 – 300.00;
 - + Chất bẩn ở tay cầm bên trái xe mô tô biển số 93C1 – 300.00;
 - + Chất bẩn ở bên trái cản sau xe mô tô biển số 93C – 300.00;
 - + Dấu vết màu nâu đỏ ở mặt trong, trên bên phải cản sau và một phần yên xe mô tô biển số 93C1 – 300.00;
 - + 02 (hai) chiếc dép kẹp dài 25cm, chỗ rộng nhất 08cm, mặt trên có chữ “GREENDAY”;

+ 01 (một) miếng nhựa dạng hình tròn cung, màu đen viền trắng, mặt dưới có 03 nút kim loại, kích thước (21,7 x 6,1) cm;

+ Dấu vết màu nâu đỏ ở mặt trên đế chân bên trái xe mô tô biển số 93C1 – 300.00;

+ Dấu vết màu nâu đỏ ở phần trước của cần sang số xe mô tô biển số 93C – 300.00;

- Vật chứng thu giữ trong quá trình khám xét:

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu xanh – đen – bạc, biển số 93P2 – 305.89;

+ Dấu vết màu nâu đỏ bám dính tại vị trí ốp bàn thờ xe mô tô biển số 93P2 – 305.89;

+ Dấu vết màu nâu đỏ bám dính tại vị trí ổ khóa công tắc xe điện xe mô tô biển số 93P2 – 305.89;

+ 01 (một) sợi dây chuyền vàng có chữ “STAR” dài 41,5cm;

+ 01 (một) điện thoại di động Vivo, số IMEI 1: 865635047506776, Số IMEI 2: 8665635047506768;

Đối với sợi dây chuyền vàng, điện thoại di động Vivo: Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức giao lại cho bà Thị Út (mẹ của bị hại) quản lý.

- Vật chứng thu giữ trên người bị cáo:

+ 01 (một) quần vải màu đen;

+ 01 (một) áo thu ngắn tay cổ tròn, màu đỏ;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A12, màu xanh đen, số IMEI 1: 865194056202059, số IMEI 2: 865194056202042.

+ 01 (một) ví màu nâu, bên trong có chữ “TISDENY”;

+ Số tiền 4.300.000 đồng;

- Vật chứng thu giữ của ông Điều May:

+ 01 (một) phong bì nhỏ dùng để đựng nữ trang của tiệm vàng Kim Lan;

+ 02 (hai) cuốn sổ nhỏ ghi “thông tin quan trọng và thẻ bảo hành”

- 01 con dao sau khi gây án trên đường về nhà, đến trên cầu Nha Bích, bị cáo đã vứt xuống sông tại cầu Nha Bích và chìa khóa xe mô tô của chị H1 vứt bỏ trên đường đi, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Thị Hương là người đại diện hợp pháp của bị hại Thị H1 yêu cầu bị cáo S bồi thường chi phí mai táng số tiền 127.000.000đ (một trăm hai mươi bảy triệu đồng) và tiền tổn thất tinh thần theo quy định của

pháp luật. Bị cáo đã tách động gia đình (ông Điều Đ, bà Thị H là cha mẹ bị cáo) bồi thường được số tiền 70.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2021/HS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Điều S phạm tội “Giết người” và “Cướp tài sản”.

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

- Áp dụng điểm e, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 40 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Điều S mức hình phạt “Tử hình” về tội “Giết người”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Điều S mức án 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là “Tử hình”.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người bị kết án được gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước theo điểm d, khoản 1 Điều 367 Bộ luật tố tụng hình sự.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng; án phí; lãi suất, quyền và nghĩa vụ trong thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29 tháng 5 năm 2021, bị cáo Điều S có đơn kháng cáo xin Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với lý do mức án tử hình Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo về tội “Giết người” và “Cướp tài sản” là quá cao.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bị cáo Điều S trình bày: Bị cáo nghe, hiểu và nói được tiếng phổ thông nên không yêu cầu phải có phiên dịch. Bị cáo thừa nhận toàn bộ diễn biến vụ án đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu; Tòa sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Giết người” và “Cướp tài sản” là đúng người, đúng tội, không oan sai. Tuy nhiên, mức hình phạt tử hình đối với bị cáo là quá cao nên bị cáo kháng cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tòa sơ thẩm tuyên bố bị cáo Điều S phạm tội “Giết người” và “Cướp tài sản” theo điểm e, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, không oan, sai. Khi lượng hình Tòa sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo tác động gia đình khắc phục một phần

thiệt hại cho gia đình bị hại; sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số, có trình độ học vấn thấp theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo mức án tử hình về tội “Giết người”, 03 năm tù về tội “Cướp tài sản” là có căn cứ, đúng quy định. Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào mới làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Cho nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Luật sư B bào chữa cho bị cáo, trình bày: Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao về tội danh, các tình tiết định khung, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tuy nhiên, mức hình phạt “Tử hình” Tòa sơ thẩm tuyên xử đối với bị cáo là quá nghiêm khắc vì bị cáo có nhân thân tốt, là người dân tộc thiểu số, có trình độ học vấn thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, gia đình bị cáo tuy khó khăn nhưng đã cố gắng khắc phục một phần hậu quả cho gia đình bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xử phạt bị cáo mức án tù “Chung thân” là phù hợp.

Bị cáo không có tranh luận bổ sung đối với Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

- Kháng cáo của bị cáo Điều S là hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Điều S trình bày: Bị cáo nghe, hiểu và nói được bình thường tiếng phổ thông nên bị cáo không yêu cầu người phiên dịch.

[2] Đối với kháng cáo của bị cáo, xét: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Điều S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa được xác định phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám xét, biên bản xem xét dấu vết trên thân thể, biên bản thực nghiệm điều tra, kết luận giám định, 06 hình ảnh trích xuất camera, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có tại hồ sơ vụ án

được xét hỏi công khai tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do có mâu thuẫn trong quan hệ tình cảm với Thị H1 (bị hại) nên bị cáo Điều S nảy sinh ý định giết bị hại. Ngày 01/02/2021 bị cáo chuẩn bị 01 con dao có đặc điểm giống con dao Thái Lan: dài 21,7cm, lưỡi bằng kim loại dài 11,1cm, một lưỡi sắt, mũi nhọn, cán dao bằng nhựa màu vàng, trên cán dao có chữ “Kiwi”, 01 gang tay để vào cốp xe mô tô 93P2 – 305.89. Tới cùng ngày, sau khi hẹn gặp và đi ăn cùng bị hại, bị cáo hẹn bị hại ra bãi đất trống phía sau Trường trung học cơ sở PA, thuộc ấp TT, xã PA, huyện HQ để nói chuyện. Tại đây, giữa bị cáo và bị hại xảy ra cãi vã, bị cáo quay ra xe lấy con dao giấu phía sau lưng, mang gang tay đã chuẩn bị vào tay trái rồi quay lại đứng đối diện bị hại, bị cáo dùng tay trái giật sợi dây chuyền từ cổ bị hại và quấn sợi dây chuyền vào ngón giữa tay trái, đồng thời bị cáo dùng tay trái bịt miệng của bị hại, tay phải dùng dao đâm 01 nhát trúng vào vùng ngực trái của bị hại. Sau khi bị hại bất tỉnh, bị cáo thấy điện thoại của bị hại ở dưới đất thì nhặt lên bỏ vào túi quần bên phải, sau đó cầm dao và dây chuyền tháo ra bỏ vào túi quần bên trái và nói “*mày nằm đây tao về*”. Bỏ mặc, bị hại dẫn đến tử vong khi được phát hiện.

[3] Xét thấy, chỉ vì sự bức tức, ghen tuông vô cớ khi bị hại đòi chia tay và nói có dự định kết hôn với người khác mà bị cáo đã nhiều lần nhắn tin đe dọa giết bị hại, khi nảy sinh ý định giết bị hại, bị cáo đã chuẩn bị hung khí là 01 con dao để thực hiện hành vi phạm tội, 01 gang tay nhằm trốn tránh sự phát hiện của Cơ quan điều tra, sau đó bị cáo hẹn gặp bị hại đến nơi vắng vẻ, rồi dùng tay giật sợi dây chuyền từ cổ bị hại, dùng con dao là hung khí nguy hiểm đâm 01 nhát vào ngực trái - là vùng trọng yếu của cơ thể dẫn đến bị hại bị vết thương thấu ngực, thủng tim, phổi, sốc mất máu cấp dẫn đến tử vong. Liên trước và sau khi đâm bị hại, bị cáo đã thực hiện các hành vi phạm tội rất nghiêm trọng khác là giật sợi dây chuyền và lấy 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo của bị hại với tổng giá trị tài sản là 5.858.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” với 02 tình tiết định khung “*có tính chất côn đồ*” quy định tại điểm n và “*giết người mà liên trước đó hoặc ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*” quy định tại điểm e, khoản 1 Điều 123 và tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Tòa sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Giết người” và tội “Cướp tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, không oan, sai.

[4] Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, thể hiện bản tính hung hãn, côn đồ, ích kỷ, máu lạnh, coi thường pháp luật, tính mạng, tài sản của người khác, nó không chỉ cướp đi tính mạng, tài sản của bị hại, gây đau thương tang tóc cho gia đình bị hại mà muốn khắc phục phải mất thời gian dài mới có thể quên đi. Hành vi của bị cáo còn làm mất an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gây bức xúc trong dư luận xã hội, xét thấy bị cáo không còn khả năng giáo dục, cải tạo cần áp dụng mức hình phạt cao nhất, loại trừ bị cáo vĩnh viễn ra khỏi đời sống xã hội mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đủ

sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói chung. Vì thế, Tòa sơ thẩm phạt bị cáo “Tử hình” về tội “Giết người” là có căn cứ và đúng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với tội “Cướp tài sản” sau khi cân nhắc tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tòa sơ xử phạt bị cáo mức án 03 (ba) năm tù là phù hợp.

[5] Xét, khi quyết định hình phạt Tòa sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo tác động gia đình khắc phục một phần thiệt hại cho gia đình bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số, có trình độ học vấn thấp theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định. Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào mới làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, không chấp nhận đề nghị của Luật sư, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Điều S. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2021/HS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Điều S phạm tội “Giết người” và “Cướp tài sản”.

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm e, n khoản 1 Điều 123 điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 40 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Điều S: Tử hình về tội “*Giết người*”.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Điều S: 03 (ba) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”.

2.3. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là “Tử hình”.

Bị cáo Điều S bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo Điều S để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Điều S phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, bị cáo Điều S có quyền làm đơn gửi Chủ tịch nước Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam để xin ân giảm án tử hình.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1 - Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Phước (2);
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước
- Công an tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- Trại tạm giam tỉnh Bình Phước
- “để tổng đạt cho bc” (2);
- Lưu hs (2) vp (5) 17b (án 09)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tửu

